

LUẬN A TỖ ĐÀM TỖ BÀ SA

QUYỂN 21

Chương 1: KIẾN-ĐỘ TẠP

Phẩm 7: VÔ NGHĨA, Phần 1

*Người tu khổ hạnh
Nên biết đều vô nghĩa
Không hề có lợi gì
Như chèo thuyền trên đất.*

Như chương này và giải thích nghĩa của chương, ở đây nên nói rộng Ưu-ba-đề-xá.

Hỏi: Vì sao soạn luận này?

Đáp: Mặc dù tất cả A-tỳ-đàm đều nói về kinh Phật, nhưng riêng phẩm này nói nhiều. Vì sao? Vì phẩm luận này phần nhiều lấy kinh làm luận.

Lại nữa, sở dĩ soạn ra luận này là vì đây là kinh Phật. Trong kinh Phật nói: Phật đang ngồi dưới cội Bồ-đề, bên sông Ni-liên-thiền thuộc thôn Ưu-lâu-tần-loa, thành Phật chưa bao lâu.

Bấy giờ, Đức Thế tôn bảo các Tỳ-kheo: Ta đã xa lìa khổ hạnh, đối với những khổ hạnh ấy, ta hoàn toàn được giải thoát, do nguyện lực của mình nên được Bồ-đề bậc nhất.

Nghe Phật nói, các Tỳ-kheo rất ưa thích, nhất tâm không tán loạn để lắng nghe pháp. Lúc ấy, ma ác Ba-tuần nghĩ rằng: Sa-môn Cù-đàm nay đã đến ngồi dưới cây Bồ-đề, bên sông Ni-liên-thiền thuộc thôn Ưu-lâu-tần-loa, vì các đệ tử nói pháp, cho đến lắng tai nghe pháp. Nay ta nên đến nơi ấy để tạo ra những khó khăn gây trở ngại. Nghĩ đoạn ma ác hóa thành một người Bà-la-môn trẻ tuổi đi đến chỗ Phật, tới nơi, nói kệ rằng:

*Nay ông bỏ khổ hạnh
Đạo thanh tịnh chúng sinh*

*Nếu lại hành đạo khác
Không có tịnh bao giờ.*

Về nghĩa của bài kệ này: Bây giờ, ma nói với Đức Thế tôn: Ông đã từ bỏ việc dựa vào đạo khổ hạnh của các vị tiên thủ xưa, không thể tịnh hóa con người mà là tịnh. Ma cho rằng, không có tịnh này, các thứ khổ hạnh là đạo thanh tịnh. Đức Phật bảo ma ác: Chẳng phải ta không thể thực hành khổ hạnh mà bỏ. Ta đã quán sát kỹ đạo này không có công năng dứt trừ phiền não. Do không có công năng đó, nên ta mới từ bỏ. Vì việc này, nên nói kệ sau đây:

*Những người tu khổ hạnh
Phải biết đều vô nghĩa
Không hề có lợi gì,
Như chèo thuyền trên đất.*

Hỏi: Các lối tu khổ hạnh có nghĩa gì?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: sở hành bên ngoài pháp này, đều nói là vì người khác nói pháp, nghĩa là tám Thánh đạo và phương tiện của Thánh đạo, trừ pháp ấy ra, còn lại là tà đạo. Vì đạo là tà đạo, nên đều là vô nghĩa. Do việc này nên nói: Các lối tu khổ hạnh của người khác, phải biết đều là vô nghĩa.

Lại có thuyết nói: Người khác nghĩa là nói hạng thấp kém chẳng phải người khác là nói về việc tốt đẹp, thù thắng. Tức khổ hạnh mà các ngoại đạo thực hành là pháp thấp kém. Vì sao? Vì chấp ngã. Cho nên nói: Người khác tu khổ hạnh, nên biết là vô nghĩa.

Lại có thuyết nói: Người khác nói: không chết! Không chết chỉ cho ma ác. Cho nên Đức Thế tôn nói: kẻ không chết! Người khác tu khổ hạnh, nên biết là vô nghĩa.

Lại có thuyết nói: Các người vì cần sinh lên cõi trời, nên tu khổ hạnh. Người tu khổ hạnh đều nói là khổ hạnh không chết. Do việc này, nên nói: Người khác tu khổ hạnh, nên biết cùng là vô nghĩa, không hề có lợi gì, như chèo thuyền trên đất, tức vô dụng. Khổ hạnh mà người tà kiến thực hành không thể dứt trừ kiết. Vô dụng cũng giống như thế.

Bây giờ, ma lại nói với Phật: Nếu các thứ khổ hạnh là tà hạnh, thì ông do đạo nào mà tự được thanh tịnh? Đức Thế tôn liền nói kệ:

*Ta tu giới, định, tuệ
Đạo rất ráo như thế
Nay đã được thanh tịnh
Bồ-đề không gì trên.*

Kinh Phật tuy nói như vậy, nhưng không phân biệt rộng. Luận này

tức là Ưu-ba-đề-xá trong kinh Phật. Kinh Phật là căn bản của luận này những pháp nào trong kinh Phật không nói, nay muốn nói nên soạn luận này.

Hỏi: Vì sao Đức Thế tôn nói: Những người tu khổ hạnh, nên biết là vô nghĩa?

Đáp: Đây là con đường của già chết, gần với pháp già chết thuận theo pháp già chết, không thể dùng pháp này để dứt trừ con đường của già chết. Vì sao? Vì chúng sinh muốn vượt qua biển già chết, thực hành khổ hạnh này, nhưng khổ hạnh sở hành ấy là tà kiến nên lại làm cho chúng sinh chìm sâu trong biển già chết.

Tôn giả Cù-sa nói: Tất cả pháp tăng trưởng là vô nghĩa, tất cả pháp vắng lặng là có nghĩa. Khổ hạnh sở hành của tà kiến là thuận theo pháp tăng trưởng. Do thuận theo tăng trưởng nên không thể sinh ra pháp vắng lặng. Chúng sinh muốn vượt qua biển già chết nên tu các khổ hạnh, nhưng khổ hạnh này sẽ khiến chúng sinh rơi vào biển già chết. Vì sao? Vì hành phương tiện. Phương tiện tà là vì sinh lên cõi trời. Cho nên nói mà thực hành khổ hạnh này: Rơi vào trong biển già chết.

Lại như Đức Thế tôn nói: Thân ngay ngắn, ngồi kiết già, buộc niệm ở trước, cho đến nói rộng.

Hỏi: Tất cả oai nghi đều đúng với đạo hạnh, vì sao chỉ nói ngồi kiết già?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Đây là pháp đã thực hành từ xưa. Vì sao? Vì Hằng sa chư Phật quá khứ và đệ tử Phật đều thực hành pháp này.

Lại có thuyết nói: Vì cách ngồi kiết già này có thể khiến cho người khác sinh tâm cung kính. Nếu ngồi kiết già, khởi giác ác, vẫn khiến cho người khởi tâm cung kính.

Cho nên, vì muốn cho mọi người sinh tâm cung kính

Lại có thuyết nói: Pháp này chẳng phải pháp ái dục của thế tục. Các oai nghi khác thì thế tục thường áp dụng.

Lại nữa, pháp này có thể sinh khởi ba thứ đạo Bồ-đề, nên Bồ-đề của Thanh văn của Bích-chi Phật và của Phật đều không do oai nghi khác chỉ do oai nghi này mà được.

Lại nữa, với pháp này lúc hành đạo, thuận theo yên ổn, chẳng phải oai nghi khác.

Lại nữa, pháp này có thể phá trừ quân ma. Như Phật, Thế tôn ngồi kiết già có thể phá tan phiền não và quân của thiên ma.

Lại nữa, pháp này có thể thích đáng với tâm của bậc Đại nhân.

Lại nữa, pháp này không chung với ngoại đạo, các oai nghi khác

thì chung với ngoại đạo.

Thế nào là ngồi kiết già? Tôn giả Ba-xa nói: Ngồi kiết già là hai chân xếp chồng lên, chánh quán cảnh giới, tức được thuận theo định nên gọi là ngồi kiết già. Thế nào là buộc niệm ở trước? Vì ở trên mặt, nên gọi là buộc niệm ở trước.

Lại nữa, trái với phiền não ở sau chánh quán vắng lặng ở trước, nên gọi là buộc niệm ở trước.

Lại nữa, trái với sinh tử ở sau, chánh quán về Niết-bàn ở trước, nên gọi là buộc niệm ở trước.

Lại nữa, trái với cảnh giới của sắc ở sau, sở duyên của chánh quán ở trước, nên gọi là buộc niệm ở trước.

Lại nữa, buộc niệm ở giữa mắt, nên gọi là buộc niệm ở trước.

Lại nữa, dùng sức tuệ thù thắng chánh quán cảnh giới, niệm niệm không tán loạn, nên gọi là buộc niệm ở trước.

Lại nữa, vì niệm và không tham đều yên theo cảnh giới, nên gọi là buộc niệm ở trước.

Lại nữa, vì buộc niệm ở giữa hai đầu chân mày, nên gọi là buộc niệm ở trước.

Quán tướng màu xanh, v.v... cho đến nói rộng.

Hỏi: Vì sao buộc niệm ở trên mặt?

Đáp: Từ vô thủy đến nay người nam khởi tâm dục đối với thân người nữ người nữ khởi tâm dục đối với thân người nam, phần nhiều do ở gương mặt.

Lại có thuyết nói: Vì gương mặt là chỗ nương dựa của bảy nhập người tu hành muốn quán sát các nhập.

Lại có thuyết nói: Mặt là thuận theo quán bất tịnh. Vì sao? Vì trên gương mặt có bảy lỗ chảy ra các thứ bất tịnh. Vì chỗ này tiết ra nhiều chất bất tịnh, nên hành giả quán riêng chỗ ấy.

Lại có thuyết nói: Chẳng phải do chiếu nơi mặt mình mà sinh ra ái, vì không sinh ái, nên buộc niệm ở gương mặt. Lại nữa, vì trên mặt có thể sinh khởi niềm vui khinh an, sau đó, mới khắp thân, cũng như khi thọ dục, bên căn nam, nữ, sinh ra vui, sau đó mới khắp thân.

Lại nữa, trên mặt, nhanh chóng có thể sinh ra tâm dục, như thấy tướng đẹp đẽ của mắt, tai, mũi, miệng, liền sinh tâm dục.

Hỏi: Buộc niệm ở gương mặt, là người mới tu hành, đã tu hành hay người tu hành lâu?

Đáp: Là người tu hành lâu. Người tu hành có ba hạng: Mới tu hành đã tu hành tu hành lâu.

Người mới tu hành đến chỗ gò mả, khéo ghi nhận hình tướng tử thi, nghĩa là hoặc màu xanh hoặc sinh trưởng lên, hoặc cháy nám, hoặc tan rã hoặc xương hoặc vòng xích xương v.v... khéo nhớ lấy tướng mạo như thế rồi, lại quán xương chân xương mắt cá, xương bắp đùi, xương gối, xương bắp vế, xương hông, xương lưng, xương sống, xương cánh tay, xương tay, xương ống quyển, xương vai, xương cổ, xương cằm, xương răng, xương đầu lâu.

Sau khi ở nơi gò mả, khéo nhận lấy các hình tướng như thế rồi, không quên, nhanh chóng trở lại trú xứ, rửa chân, ngồi trên giường dây, hoặc trải cỏ lên, nhớ lại tử thi mình đã thấy và nghĩ thân ta cũng thế.

Như vậy, gọi là hạnh quán ban đầu. Hành giả đối với cảnh giới của đối tượng' quán, có thể làm cho rộng cũng có thể làm cho lược.

Gọi rộng là thế nào? Như quán xương của thân mình quán nơi giường mình ngồi, cũng lại là xương. Kế là quán đến nhà cửa, nơi chốn mình đang cư ngụ, tăng-già-lam, thôn xóm, ruộng đất, quốc độ hiện tất cả cõi nước dân chúng cho đến đại địa trong biển cả, đều quán là xương. Đó gọi là quán rộng.

Thế nào là hẹp? Tất cả xương trong biển cả, quán tất cả xương trong một cõi nước. Bộ xương trong cõi nước, cho đến bỏ quán xương bên ngoài, chỉ quán xương của thân mình. Có thể thực hành quán rộng, hẹp như thế. Đó gọi là đã tu hành.

Bỏ xương chân của mình, quán xương mắt cá nơi mình, cho đến quán xương đầu lâu. Xương đầu lâu có hai thứ: phần trái, phần phải. Nếu bỏ phần trái, quán phần phải, hoặc bỏ phần phải, quán phần trái, hoặc là bỏ cả hai phần, buộc niệm giữa hai đầu chân mày. Đó gọi là tu hành lâu. Thời gian này được gọi là mới nhập quán thân niệm xứ, quán bất tịnh. Hoặc có duyên ít, tự tại nhiều. Hoặc có khi tự tại ít, duyên nhiều. Hoặc có khi duyên ít, tự tại ít. Hoặc có khi duyên nhiều, tự tại nhiều.

Trường hợp đầu: Có thể thường quán thân mình, đối với cảnh giới sở quán không thể làm cho chuyển thành rộng.

Trường hợp thứ hai: Có thể quán xương trong biển cả, không thể làm cho quán này thường hiện ở trước.

Trường hợp thứ ba: Chỉ quán tự thân, không thể làm cho quán này thường hiện ở trước.

Trường hợp thứ tư: Có thể quán xương trong biển cả, lại khiến cho quán này thường hiện ở trước.

Quán bất tịnh: Hoặc có khi duyên vô lượng, chẳng phải tự tại vô

lượng, hoặc có khi tự tại vô lượng, chẳng phải duyên vô lượng. Hoặc có khi duyên cũng vô lượng, tự tại cũng vô lượng. Hoặc có khi duyên cũng không vô lượng, tự tại cũng không vô lượng.

Trường hợp đầu: Hành giả có thể quán xương trong biển cả, không thể làm cho quán này thường hiện ở trước.

Trường hợp thứ hai: Có thể quán xương thân mình, thường hiện ở trước, không thể làm cho quán này rộng khắp.

Trường hợp thứ ba: Có thể quán xương trong biển cả, thường hiện ở trước.

Trường hợp thứ tư: Có thể quán xương của thân mình, không thể làm cho quán này thường hiện ở trước.

Đó gọi là hành giả quán tưởng về xương.

Thế nào là quán đoàn thực? Hành giả tưởng bất tịnh, quán thức ăn trong tay, hoặc thức ăn trong đồ đựng: Thức ăn này từ chỗ nào đến? Biết từ các thứ lúa trong kho lẫm đến. Quán lúc ở trong kho lại từ đâu đến? Biết từ các thứ giống lúa trong ruộng mà đến. Lại quán lấy gì để nuôi lớn hạt giống. Biết do phân, nước. Phân lại từ đâu đến? Biết từ trong đồng phân rác, nước tiểu mà đến.

Khi quán như thế, thấy vật bất tịnh, lại làm tăng thêm vật bất tịnh. Hành giả hoặc vào làng khát thực, hoặc ở trong tăng khi muốn vào thôn xóm nước được thọ dụng tạo ra tưởng về nước tiểu. Nhành dương xỉ răng, khởi tưởng về xương cánh tay. Y sờ thủ, tạo ra tưởng về da người. Giải áo, tạo ra tưởng về ruột. Bát đựng tạo ra tưởng về đầu lâu. Gậy tạo ra tưởng về xương đùi. Lúc bước đi trên đường đá tạo ra tưởng xương đầu lâu. Nếu khi đến thôn xóm, thấy vách tường nhà cửa tạo ra tưởng đồng xương. Thấy các kẻ nam, nữ lớn nhỏ, tạo ra tưởng xương người. Được ăn mì, tạo tưởng về bột xương. Muối tạo tưởng về răng nghiền nát. Các thứ rau cải, tạo tưởng về tóc. Bánh mì, tạo ra tưởng về da. Cơm tạo tưởng về trùng. Canh tưởng về mũ, phân nhơ. Bơ sống, sữa, lạc tưởng về óc. Dầu, mật đường phèn, tưởng mỡ người. Nước nho tưởng là máu. Thịt, tưởng về thịt người.

Nếu khi vào trong tăng được nhận cỏ sạch, tưởng là tóc người, được bột mì, v.v..., tưởng bột xương. Ngoài ra, như trước đã nói.

Hỏi: Vì sao người tu hành quán tưởng như thế?

Đáp: Người tu hành kia nghĩ rằng: Từ vô thủy đến nay, ta đã lấy bất tịnh làm tịnh, nay phải quán vật bất tịnh này là tưởng bất tịnh. Người nào quán tưởng như thế thì có thể đối trị với ái dục. Hơn nữa, vì muốn đối trị ái dục, nên quán tưởng như thế. Về nghĩa mà nói, hành giả tạo

ra tiếng gầm của sư tử, phần ngữ bất tịnh. Từ vô thủy đến nay, ta đã chấp lấy tướng tịnh của ông, nay muốn nhận lấy rỗng tướng bất tịnh của ông.

Hỏi: Vì sao nói quán bất tịnh buộc niệm ở trước, mà không nói về niệm A-na-ba-na quán phương tiện giới?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Đây là nói về chỗ khởi phương tiện đầu tiên, như nói quán bất tịnh, buộc niệm ở trước, cũng nên nói quán sở tức, niệm phương tiện giới mà không nói, phải biết chỗ này nên ở đây nói chưa trọn vẹn.

Lại có thuyết nói: Vì tùy ở phần nhiều. Nên các Tỳ-kheo thường tu quán quán bất tịnh, ít tu niệm hơi thở ra vào, cho nên nói quán bất tịnh, không nói niệm hơi thở ra vào.

Tôn giả Cù-sa nói: Tùy lúc các Tỳ-kheo kia nhập pháp, dùng buộc niệm ở trước, không cần phải quán bất tịnh.

Tôn giả Ca-chiên-diên-tử vì giải thích kinh Phật, kinh Phật nói: Chánh tâm buộc niệm ở trước, dứt trừ tâm tham thế gian trụ trong pháp không tham, cho đến dứt nghi cái cũng giống như thế. Trong năm cái, cái nào nặng nhất? Tức là cái tham dục. Quán bất tịnh là đối trị gần đối với cái tham dục. Theo thứ lớp, cũng có thể dứt trừ cái khác, cũng có công năng dứt khởi thiền. Cho nên, dùng tướng bất tịnh để buộc niệm ở trước.

Hỏi: Thể tánh của quán bất tịnh là gì?

Đáp: Là không tham. Nếu nhớ lấy tướng tử thi kia, nên có chung, thì thể là năm ấm. Các vị tu vắng lặng nói thể của quán bất tịnh là tuệ. Vì sao? Vì kinh Phật nói: Nếu khéo nhiếp giữ các căn thì đó gọi là thấy quán bất tịnh.

Lại có thuyết nói: Thể của quán bất tịnh là sự nhàm chán, nhàm chán về tên gọi, tướng nên pháp tâm sở tồn tại như thế v.v... Đó gọi là chỗ thích hợp của pháp tâm sở.

Bình luận: Không nên nói như thế. Thuyết nói không tham là tốt. Nếu nhận lấy tướng ưng cùng có thể, thì đó là bốn ấm, năm ấm.

Về Giới là cõi Dục, cõi Sắc. Địa là mười địa. Nghĩa là thiền trung gian cõi Dục, bốn thiền căn bản bên bốn thiền. Thân là ở cõi Dục. Hành: Chẳng phải mười sáu hành mà là hành riêng, hành bất tịnh. Duyên là duyên theo sắc nhập cõi Dục.

Hỏi: Có phải đây là duyên theo tất cả sắc nhập cõi Dục hay không?

Đáp: Đều là duyên.

Hỏi: Nếu vậy thì vì sao Tôn giả A-ni-lô-đầu không thể quán tưởng bất tịnh đối với thân trời khoái ý? Nghe nói Tôn giả A-ni-lô-đầu đang ngồi kiết già thiền định trong một khu rừng. Bỗng có bốn thiên nữ khoái ý, tự hóa thân mình hết mực xinh đẹp, đến chỗ Tôn giả A-ni-lô-đầu, nói: Này Tôn giả A-ni-lô-đầu! Chúng tôi là trời khoái ý, có thể biến hóa tự tại khắp nơi. Nếu ông muốn thấy sắc nào của thân chúng tôi, chúng tôi đều có thể ứng hiện để cùng ông vui chơi. Lúc ấy, Tôn giả A-ni-lô-đầu nghĩ thầm: Nay ta phải quán bất tịnh. Liên quán tưởng bất tịnh của Sơ thiền, nhưng không thể làm cho quán này hiện ở trước, cho đến muốn quán tưởng bất tịnh của bốn thiền cũng không thể được. Lại nghĩ: Thiên nữ kia là các thứ sắc. Nếu thuần là một sắc thì ta có thể khởi quán, bèn bảo thiên nữ: Các chị em đều nên hóa ra màu xanh. Bấy giờ, thiên nữ liền tạo ra màu xanh. Tôn giả lại quán tưởng bất tịnh, cũng vẫn không thể. Lại nói: Các chị em nên tạo ra màu vàng. Thiên nữ liền hiện ra màu vàng. Tôn giả lại quán tưởng bất tịnh, vẫn không thể. Lại nói: Các chị em nên tạo ra màu đỏ. Các thiên nữ liền hóa ra màu đỏ. Tôn giả lại quán tưởng bất tịnh, cũng không thể.

Hỏi: Vì sao Tôn giả A-ni-lô-đầu bảo các thiên nữ tạo ra nhiều thứ sắc màu như vậy?

Đáp: Vì Tôn giả nghĩ: Nếu họ thay đổi màu sắc thì mình có thể quán tưởng bất tịnh. Lại nữa, vì muốn quán sắc tướng tốt đẹp, không tốt đẹp của họ, nên nói như thế. Lại nghĩ: màu trắng thuận theo tướng xương. Nếu họ hóa ra màu trắng, thì ta có thể quán tưởng bất tịnh, liền nói: Chị em hãy hóa thành màu trắng. Thiên nữ liền hóa ra màu trắng. Tôn giả bèn quán tưởng bất tịnh nhưng vẫn không thể. Lại nghĩ: Các thiên nữ này, xinh đẹp tức thời yên lặng, nhắm mắt không nhìn. Khi đó, bỗng nhiên thiên nữ không hiện nữa.

Với nghĩa như thế, làm sao hiểu được?

Đáp: Tôn giả A-ni-lô-đầu, dù không thể quán, nhưng các vị căn tánh nhạy bén khác thì có thể, như Tôn giả Mục-kiền-liên, Xá-lợi-phất, Bích-chi Phật, Phật.

Hỏi: Có thể quán tưởng bất tịnh đối với thân Phật hay không?

Đáp: Tất cả Thanh văn, Bích-chi Phật đều có thể quán, nhưng không thể quán tưởng bất tịnh đối với thân Phật. Vì sao? Vì thân Phật vô cùng sáng, sạch, thù thắng, màu nhiệm, không hề có các lỗi lầm, chúng sinh ưa thấy. Cho nên tất cả Thanh văn, Bích-chi Phật đều không thể quán tưởng bất tịnh, chỉ Phật mới có thể quán.

Lại có thuyết nói: Thanh văn cũng có thể quán. Vì sao? Vì bất tịnh

có hai thứ:

1. Lỗi lầm tai hại của sắc.
2. Duyên khởi của sắc.

Không thể quán lỗi của sắc, chỉ có thể quán duyên khởi của sắc.

Quán bất tịnh lại có hai thứ:

1. Tướng chung.
2. Tướng riêng.

Có thể quán tướng chung, không thể quán tướng riêng:

Về niệm xứ: là Nói theo căn bản, chẳng phải nói phương tiện của niệm xứ đó là thân niệm xứ. Về trí là tương ứng với đẳng trí. Về căn: Tương ứng chung với cả ba căn. Về định: Không tương ứng với định. Về quá khứ, vị lai, hiện tại là pháp ba đời. Về duyên với quá khứ, vị lai, hiện tại: Quá khứ tức duyên với pháp quá khứ. Hiện tại tức duyên với pháp hiện tại. Vị lai bất sinh: là duyên với ba đời. Sẽ sinh là duyên với vị lai. Về thiện, bất thiện, vô ký: Là thiện. Duyên với thiện, bất thiện, vô ký: Nghĩa là duyên cả ba thứ. Nhưng duyên theo pháp vô ký nhiều. Lệ thuộc ba cõi: Lệ thuộc cõi Dục, cõi Sắc. Duyên ba cõi: Là duyên cõi Dục. Về Học, Vô học, Phi học Phi vô học: Là Phi học Phi vô học. Về duyên theo Học, Vô học, Phi học Phi vô học là duyên Phi học Phi vô học.

Kiến đạo dứt, tu đạo dứt, không có dứt là tu đạo dứt. Duyên nơi kiến đạo dứt, tu đạo dứt, không dứt: Là duyên theo tu đạo dứt. Duyên nơi thân mình, thân người: Duyên nơi tự thân, cũng duyên theo tha thân. Duyên nơi danh, duyên theo nghĩa: Là duyên theo nghĩa. Là lìa dục đắc hay là do phương tiện đắc: Cũng là lìa dục, cũng là phương tiện. Lìa dục đắc: Lìa dục cõi Dục, được địa Sơ thiên, cho đến lìa ba thiên, muốn được địa thiên thứ tư. Người phàm phu, bậc Thánh của thân sau cùng, được chỗ đã từng được, cũng được chỗ không hề được. Ngoài ra, phàm phu được chỗ đã từng được.

Lìa dục đắc: Khi lìa dục được, về sau tạo ra phương tiện khởi hiện ở trước. Phật không dùng phương tiện khởi hiện ở trước. Bích-chi Phật khởi phương tiện phẩm hạ. Thanh văn hoặc tạo ra phương tiện phẩm trung, hoặc tạo phương tiện phẩm thượng, quán tưởng bất tịnh hiện ở trước, có tạo ra phương tiện mà được. Về sau, tạo ra phương tiện khởi hiện ở trước.

Hỏi: Những người nào có thể quán tướng bất tịnh?

Đáp: Phàm phu, bậc Thánh đều có thể. bậc Thánh: Từ Tu-đà- hoàn, cho đến A-la-hán.

Quán tưởng bất tịnh ở xứ nào?

Đáp: Trước nói rằng: Là ba phương trong cõi Dục, chẳng phải Uất-đơn-việt, trong các tầng trời cõi Dục, không thể khiến cho người mới hành hiện ở trước. Vì sao? Vì không có tử thi màu xanh, v.v...

Trước, được trong cõi người, sau, ở cõi kia khởi hiện ở trước.

Văn, tư, tu: là Ba thứ, cõi Dục là văn, tư, tu, cõi Sắc là văn, tu.

Hỏi: Quán tất cả là xương, nhưng tất cả chẳng phải xương, vì sao quán này chẳng là phải điên đảo?

Đáp: Vì quán này có thể dứt trừ các kiết, nên chẳng phải điên đảo.

Hỏi: Quán phòng, nhà là xương, vậy quán này sở duyên là gì?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Duyên vòng xích xương đã thấy ngoài gò mả.

Lại có thuyết nói: Duyên theo tất cả hư không giới trong phòng nhà.

Bình luận: Đây là tưởng hư giả, quán giới quán tức là duyên theo pháp đó. Nói như thế là tốt.

Hỏi: Quán bất tịnh này là ở ý địa, hay ở thân sáu thức?

Đáp: Là ý địa duyên theo hình sắc, chẳng phải thân năm thức.

Hỏi: Nếu là ý địa, chẳng phải thân năm thức, thì kinh này nói làm sao hiểu? Như nói: Mắt thấy sắc tư duy bất định?

Đáp: Trước, nhãn thức thấy sắc, sau, ý địa tư duy bất tịnh.

Lại có thuyết nói: Từ môn kia, từ đạo của môn kia, như hành quán sáu hỷ là địa ý thức. Từ đạo của môn nhãn sinh, cho đến đạo của môn thân sinh, cho nên nói sáu quán bất tịnh, phải biết cũng giống như thế.

Hỏi: Từ đạo của môn nhãn sinh quán bất tịnh, nói như thế thì có thể được như kinh kia nói: Tai nghe tiếng mũi ngửi hương, thân xúc chạm, ý biết pháp, tư duy bất tịnh, việc này làm sao hiểu? Vì sao lại bỏ sắc nhập, nhập khác chẳng phải cảnh giới của quán bất tịnh?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Quán bất tịnh không duyên theo tiếng v.v... lại có hành vượt hơn, có thể chán lìa tiếng v.v...

Lại có thuyết nói: Vì bị sắc ái che lấp, nên tu quán bất tịnh, vì bị che lấp do ái tiếng, hương, vị, xúc, pháp? Cũng tu quán bất tịnh, vậy nên nói như thế.

Lại có thuyết nói: Hành giả quán hình sắc là bất tịnh. Thanh, hương, vị, xúc, pháp mà hình sắc dựa vào, lại vượt hơn quán bất tịnh là hành quán chán lìa, nên nói như thế.

Lại có thuyết nói: Hành giả khéo tu quán bất tịnh, có thể chế ngự

việc tạo sắc, lại muốn chế ngự các cảnh giới như thanh v.v... Nếu chế ngự được, thì tốt nếu không thể thì lại tu quán bất tịnh, cũng như khi quân sĩ chiến đấu, trước phải yên định dinh lũy mới ra trận chiến đấu với giặc. Nếu thắng giặc thì tốt, không thắng thì trở lại dinh lũy. Quán bất tịnh kia cũng giống như vậy. Do đó, nói như thế.

Kinh nói: Có năm Tam-muội hiện thấy, năm tam muội ấy là: Như nói: Tỳ-kheo các thầy phải quán sát như thật thân này, từ chân đến tóc có các thứ bất tịnh đầy dẫy, trong đó, như là: tóc, lông, móng, răng, da mỏng, da dày, gân, mạch, thịt, xương, tim, phổi, lá lách, thận, gan, mật, đờm, dãi, ruột già ruột non, bao tử, đại tiểu tiện, nước mắt, nước mũi, nước miếng từ trong miệng chảy ra, mở lá, tửy, óc, máu, mủ, mồ hôi, sinh tạng, thực tạng, cũng như có người từ cửa sổ nhìn ra ngoài thấy các thứ lúa thóc xen lẫn trong kho, nào là mè, gạo tẻ, các loại đậu đại mạch tiểu mạch, v.v...

Tỳ-kheo quán sát như thật về thân này cũng giống như vậy. Nếu quán được như thế, thì gọi là Tam-muội hiện thấy đầu tiên.

Lại nữa, Tỳ-kheo quán sát như thật về thân này, cho đến nói rộng, loại bỏ các thứ máu, thịt, chỉ quán xương trắng, biết hành ở trong ấy. Nếu ai quán được như vậy, thì gọi là Tam-muội hiện thấy thứ hai.

Lại nữa, Tỳ-kheo! Quán sát như thật thân này, cho đến nói rộng. Quán bộ xương, biết hành ở trong ấy, cũng trụ đời này, cũng trụ ở đời vị lai. Nếu người nào quán được như thế, thì gọi là Tam-muội hiện thấy thứ ba.

Lại nữa, Tỳ-kheo! Quán tưởng như thật thân này, cho đến nói rộng. Chỉ quán thân xương, biết hành ở trong đó, trụ ở đời vị lai, không trụ đời này. Nếu quán được như thế, thì gọi là Tam-muội hiện thấy thứ tư.

Lại nữa, Tỳ-kheo! Cho đến quán xương trắng của thân, biết hành ở trong ấy, không trụ nơi đời này cũng không trụ ở đời vị lai. Nếu quán được như thế, thì gọi là Tam-muội hiện thấy thứ năm.

Hỏi: Năm Tam-muội hiện thấy này, ai hiện có được?

Đáp: Tam-muội hiện thấy thứ nhất, thứ hai, là của phàm phu và bậc Thánh hiện có. Tam-muội hiện thấy thứ ba là sở hữu của bậc Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm. Thứ tư là sở hữu của bậc A-na-hàm. Thứ năm là sở hữu của bậc A-la-hán.

Hỏi: Tam-muội thứ nhất, thứ hai là hiện thấy thì có thể như thế vì sao? Vì hiện thấy mà sinh ra? Khi quán hành của thức, thế nào là hiện thấy?

Đáp: Vì hiện thấy là phương tiện của quán kia, vì từ hiện thấy sinh, nên cũng gọi là hiện thấy, nơi chốn đặt tên các pháp chỗ các pháp đặt tên là nhiều: Hoặc do tự thể nên đặt tên. Hoặc do đối tượng nương dựa nên đặt tên, hoặc do tương ứng nên đặt tên. Hoặc do đối trị nên lấy danh. Hoặc do hành, hoặc do duyên, hoặc do hành, duyên nên đặt tên, hoặc do phương tiện, nên đặt tên.

Theo tự thể đặt tên: Như đế, như ẩm Đế. Thể là bức bách, nên gọi là khổ đế, cho đến vì thể là cầu đạt nên gọi là đạo đế. Vì thể là sắc, nên gọi là sắc ẩm, cho đến vì thể là thức, nên gọi là thức ẩm.

Đối tượng nương dựa nên đặt tên: Như nhãn thức vì dựa vào mắt sinh, nên gọi là nhãn thức, cho đến ý thức vì dựa vào ý sinh, nên gọi là ý thức.

Do tương ứng nên đặt tên: Như ý nghiệp, ý hành. Như ý xúc chạm sinh ái. Pháp này tương ứng với ý nên đặt tên.

Do đối trị nên đặt tên: Như pháp trí, tỷ trí. Nếu pháp đối trị cõi Dục thì gọi là pháp trí. Nếu pháp đối trị cõi Sắc, cõi Vô sắc thì gọi là tỷ trí.

Do hành nên đặt tên: Như khổ trí, tập trí. Vì sao? Vì trí này duyên đồng, hành không đồng.

Do duyên nên đặt tên: Như Tam-muội Vô tướng, vì duyên pháp Không có mười tướng, nên gọi là la thực hành vô tướng.

Do duyên nên đặt tên: Như diệt trí, đạo trí. Vì sao? Vì hai trí này hành không đồng, duyên cũng không đồng.

Phương tiện đặt tên: Như tha tâm trí, Không xứ, Thức xứ, năm Tam-muội hiện thấy, dùng hiện thấy làm phương tiện sinh ra định này, nên gọi là Tam-muội hiện thấy.

Hỏi: Quán bất tịnh vì sao gọi là Tam-muội hiện thấy?

Đáp: Vì có thể sinh ra Tam-muội hiện thấy.

Hỏi: Vì sao Đức Phật quán bất tịnh chỉ có Ngài được gọi là vô thượng?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Phật quán bất tịnh, vì có thể hàng phục tất cả cảnh giới, nên gọi là vô thượng. Tất cả quán bất tịnh của hàng Thanh văn, Bích-chi Phật, không thể hàng phục tất cả cảnh giới. Như Tôn giả A-ni-lô-đầu không thể hàng phục cảnh giới nên không gọi là vô thượng.

Lại có thuyết nói: Phật quán bất tịnh là quán về xương. Quán xương là xương, quán gân, thịt v.v... là gân thịt, cho đến nói rộng.

Bình luận: Nếu nói như thế thì hiểu được: Phật là cảnh giới ít.

Người quán bất tịnh, như thuyết trước nói là tốt, vì có thể hơn tất cả cảnh giới, nên riêng gọi là vô thượng.

Như Phật bảo Tôn giả Mục-kiền-liên: Vì sao Phạm thiên Đề-xá không vì ông nói về người thứ sáu trụ nơi Vô tướng cho đến nói rộng.

Hỏi: Vì sao soạn luận này?

Đáp: Đây là kinh Phật. Trong kinh Phật nói: Phật đang ở tại Tinh xá nơi khu lâm viên Kỳ-đà, Cấp-cô-độc. thuộc nước Xá-vệ. Bấy giờ, có ba vị Phạm thiên, hào quang nơi thân sáng rỡ, vào lúc đầu hôm đến chỗ Phật, Đảnh lễ dưới chân Phật, đứng qua một phía. Lúc đó một Phạm thiên bạch Phật: Bạch đức Thế tôn! Tại nước Bà-sí-đa có rất nhiều Tỳ-kheo- ni qua đời?

Phạm thiên thứ hai lại bạch Phật: Bạch Thế tôn! Những vị qua đời ấy có vị là Niết-bàn hữu dư.

Phạm thiên thứ ba lại bạch Phật: Những vị qua đời ấy có vị là Niết-bàn vô dư.

Các Phạm thiên nói như vậy rồi, đi nhiều quanh Phật ba vòng, rồi bỗng nhiên biến mất.

Sáng hôm sau, Phật sai thị giả trải giường tòa, ngồi giữa chúng tăng rồi, bảo các Tỳ-kheo: lúc đầu hôm, có ba vị Phạm thiên, hào quang sáng chói đến chỗ ta. Cho đến Phạm thiên thứ ba, nói như thế rồi, nhiều quanh chỗ ta ba vòng, bỗng nhiên biến mất.

Bấy giờ, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên đang ở trong chúng nghĩ rằng: Các vị trời kia có tri kiến như thế, nói về Niết-bàn hữu dư, Niết-bàn vô dư ấy là vị trời nào? Lúc đó, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên tùy chỗ thích ứng, liền nhập Tam-muội. Do năng lực của Tam-muội, nên trong rừng Kỳ-đà, bỗng nhiên biến mất hiển ra cõi Phạm thiên, cách chỗ Phạm thiên Đề-xá không xa. Tôn giả Mục-kiền-liên xuất Tam-muội, đến chỗ Phạm thiên Đề-xá. Đến rồi nói: Này Đề-xá! Vị Phạm thiên nào có tri kiến như thế là Niết-bàn Hữu dư, biết là Niết-bàn vô dư?

Hỏi: Như tri kiến của Tôn giả Mục-kiền-liên là hơn Phạm thiên gấp trăm ngàn muôn phần, vì sao lại phải hỏi Phạm thiên?

Đáp: Vì muốn hiển bày công đức của Phạm thiên Đề-xá, vốn là đệ tử của Tôn giả Mục-kiền-liên, đã chứng đắc quả A-na-hàm, có uy đức lớn các Phạm thiên kia không ai biết. Vì muốn làm sáng tỏ công đức của Phạm thiên Đề-xá, để cho các Phạm chúng khởi tâm cung kính, tôn trọng. Vì cho nên hỏi.

Lúc này, Phạm thiên Đề-xá đáp: Chư Thiên Phạm thân này có tri kiến như thế, có thể biết Niết-bàn hữu dư.

Tôn giả Mục-kiên-liên hỏi Phạm thiên Đề-xá: Tất cả chư Thiên Phạm thân đều có tri kiến ấy biết về Niết-bàn hữu dư, Niết-bàn Vô dư chẳng?

Phạm thiên Đề-xá đáp: Chẳng phải tất cả chư Thiên Phạm thân đều có tri kiến như thế, cho đến nói rộng. Các Phạm thiên này dù có thọ mạng thân sắc vi diệu, uy danh cõi trời mà không biết đủ, không biết pháp xa lìa tối thượng như thật, nghĩa là không có tri kiến này. Nếu các Phạm thiên có thọ sắc danh dự mà thực hành biết đủ, tức có thể biết pháp xa lìa tối thượng như thật, nghĩa là có tri kiến như vậy.

Tôn giả Mục-kiên-liên lại hỏi Phạm thiên Đề-xá: Các Phạm thiên này làm sao biết được?

Đề-xá đáp: Thưa Tôn giả Mục-kiên-liên! Nếu các Tỳ-kheo được đạo quả A-la-hán, là cùngcâu giải thoát, các Phạm thiên này nghĩ rằng: Nếu khi vị Đại đức này có thân thì hàng người trời đều thấy. Nếu khi qua đời, thì hàng người, trời không còn thấy nữa, không chỉ là câu giải thoát. Nếu Tỳ-kheo được quả A-la-hán là tuệ giải thoát. Các Phạm thiên này nghĩ rằng: Tỳ-kheo ấy được quả A-la-hán là tuệ giải thoát. Lúc Đại đức này có thân thì hàng người, trời đều thấy, cho đến nói rộng, không chỉ là tuệ giải thoát. Nếu Tỳ-kheo là thân chứng, thì Đại đức ấy cũng có thể thắng tiến, đắc căn Vô học. Kiến đạo, Tín giải thoát, nói cũng giống như thế.

Hỏi: Vì sao các Phạm thiên kia không nói đến Kiên tính Kiên pháp?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Nếu là cảnh giới của Phạm thiên kia thì sẽ nói về Kiên tính, Kiên pháp. Vì chẳng phải cảnh giới của Phạm thiên, cho nên không nói.

Lại có thuyết nói: Nếu là pháp sở hành của các Phạm thiên thì sẽ nói. Pháp này chẳng phải sở hành của họ, cho nên không nói.

Bấy giờ, sau khi nghe Phạm thiên Đề-xá nói, Tôn giả Mục-kiên-liên tâm sinh vui mừng, tùy chỗ thích ứng, liền nhập Tam-muội. Do năng lực Tam-muội nên từ cõi Phạm thiên biến mất và hiện ra nơi rừng Kỳ-đà. Tôn giả Mục-kiên-liên lại xuất Tam-muội, đi đến chỗ Phật, Đảnh lễ dưới chân Phật rồi ngồi qua một bên. Tôn giả thưa lại với Đức Thế tôn về việc mình đã bàn luận với Phạm thiên Đề-xá.

Đức Thế tôn bảo Tôn giả Mục-kiên-liên: Phạm thiên Đề-xá có nói về người thứ sáu thực thực hành vô tướng hay chẳng?

Tôn giả Đại Mục-kiên-liên liền từ chỗ ngồi đứng dậy, chấp tay hướng về Phật, bạch: Bạch Thế tôn! Nay chính vào lúc ấy, cúi xin Đức

Thế tôn nói về người thứ sáu thực thực hành vô tướng. Nếu các Tỳ-kheo nghe xong, nhất định sẽ vâng làm.

Phật bảo Mục-kiền-liên: Ông hãy lắng nghe khéo nhớ nghĩ, nay ta sẽ giảng nói: Mục-liên nên biết! Nếu Tỳ-kheo không quán tất cả tướng mà nhập Tam-muội tâm Vô tướng, thì đó gọi là người thứ sáu thực thực hành vô tướng.

Kinh Phật dù nói như vậy, nhưng không phân biệt. Kinh Phật là chỗ dựa căn bản đã soạn luận này. Luận này là Ưu-ba-đề-xá của kinh Phật, các pháp mà các kinh không nói, nay vì muốn nói nên soạn luận này.

Thế nào là người thứ sáu thực thực hành vô tướng?

Đáp: Ta Kiên tín, Kiên pháp là người thứ sáu, người thực thực hành vô tướng. Vì sao? Vì bảy bậc Thánh bao gồm tất cả bậc Thánh. Phạm thiên Đề-xá đã nói năm hạng, không nói hai hạng này, vì cho nên biết.

Hỏi: Hai vị này vì sao nói là người thực thực hành vô tướng?

Đáp: Vì Tôn giả kia không thể lập ra tên gọi. Ở nơi đây, nơi kia, cho đến nói rộng.

Hỏi: Đây là hai vị vì sao nói một?

Đáp: Tức như văn nói: Hai vị này đều không thể đặt ra tên gọi ở đây, ở kia. Vì nghĩa đồng, nên nói là một.

Lại có thuyết nói: Hai vị này đều không khởi tâm không giống nhau.

Lại có thuyết nói: Vì tâm hành của hai vị này bình đẳng đều có mười lăm tâm.

Lại có thuyết nói: Hai vị này đều không khởi tâm mong muốn.

Lại có thuyết nói: Hai vị này đều là không thể lập bày, đều không có ngôn thuyết, đều là đạo nhanh chóng.

Vì các nghĩa ấy, nên hai vị này là người thứ sáu.

Hỏi: Năm người kia là người thực hành vô tướng chăng? Vì sao nói người thực thực hành vô tướng này là người thứ sáu thực thực hành vô tướng?

Đáp: Năm người kia chẳng phải người thực thực hành vô tướng, chỉ người này mới gọi là người thực hành vô tướng.

Hỏi: Nếu vậy vì sao nói đây là người thứ sáu thực thực hành vô tướng?

Đáp: Đây là pháp số thứ sáu, chẳng phải thứ sáu thực thực hành vô tướng. Chỗ khác cũng nói là đã hại người thường hành thứ năm. Bốn

hành trước chẳng phải thường, chỉ người thứ năm là thường do pháp số. Người thứ năm là thường chẳng phải bốn người đều là thường. Như nói thứ sáu tăng thượng, thứ năm cũng giống như thế.

Như vậy vì dùng pháp số nên nói thứ sáu, chẳng phải vì Vô tướng nên nói thứ sáu.

Hỏi: Vô tướng ở đây nói là môn Vô tướng giải thoát, Pháp bất động, tâm giải thoát cũng nói là Vô tướng, Phi tướng Phi phi tướng xứ, cũng nói là Vô tướng. bốn thứ này có gì khác nhau không?

Đáp: Ở đây nói kiến đạo là Vô tướng. Vì sao? Vì kiến đạo này là đạo nhanh chóng, không khởi tâm trông mong. Nếu người nào nhập vào pháp này thì không thể lập bày ở đây, ở kia, nên nói là Vô tướng.

Môn Vô tướng giải thoát gọi là Vô tướng vì duyên theo pháp không có mười tướng nên nói là Vô tướng.

Tâm giải thoát của pháp không động, được gọi là Vô tướng, là vì không bị tướng của các phiền não che lấp, cũng không còn sinh tướng phiền não nữa nên gọi là Vô tướng.

Phi tướng Phi phi tướng xứ, nói là Vô tướng: Vì xứ đó ngu kém, không mạnh mẽ, nhạy bén, hành động không quyết định, giống như nghi ngờ, không có tướng của tướng rõ ràng, không có tướng của phi tướng rõ ràng, nên nói là Vô tướng.

Kiến đạo có mười lăm tâm, tâm thứ mười sáu đều cùng với đạo tỷ trí là tu đạo. Thanh văn có thể thấy biết hai tâm trong kiến đạo, là khổ pháp nhãn và khổ pháp trí. Nếu muốn quán tâm khổ tỷ nhãn thứ ba, thì vào lúc này mới biết được tâm tương ứng của đạo tỷ trí thứ mười sáu. Bích-chi Phật biết ba tâm trong kiến đạo, đó là khổ pháp nhãn, hoặc pháp trí. Nếu khi muốn biết khổ tỷ nhãn, thì vào lúc này mới biết tâm tương ứng của tập tỷ trí thứ năm Phật Thế tôn biết được tâm nối tiếp nhau trong kiến đạo.

Hỏi: Vì sao Thanh văn biết hai tâm trong kiến đạo, Bích-chi Phật biết ba tâm, còn Phật thì biết tất cả?

Đáp: Tha tâm trí biết cảnh giới tương tự, chẳng biết cảnh giới không tương tự, thế tục trí biết pháp tâm, tâm sở của thế tục, trí vô lậu biết pháp tâm, tâm sở vô lậu, pháp trí biết phần của pháp trí, tỷ trí biết phần của tỷ trí. Thanh văn, Bích-chi Phật tạo ra phương tiện thì tha tâm trí mới hiện ở trước. Hành giả sắp nhập kiến đạo, thì trí tha tâm của Thanh văn sẽ hiện ở trước, lúc này biết được hai tâm trong kiến đạo: Tâm đi chung khổ pháp nhãn, tâm đi chung khổ pháp trí. Hành giả nhập phần tỷ trí, Thanh văn tạo ra phương tiện của phần tỷ trí, tha tâm trí,

khởi phần tử trí, tha tâm trí hiện ở trước. Muốn biết tâm thứ ba, tức là biết tâm thứ mười sáu. Hành giả sắp nhập kiến đạo, Bích-chi Phật sẽ tạo ra phương tiện của tha tâm trí, phần pháp trí. Hành giả đã nhập kiến đạo, Bích-chi Phật khởi tha tâm trí, phần pháp trí hiện ở trước, biết hai tâm của kiến đạo là khổ pháp nhãn và khổ pháp trí. Hành giả nhập phần tử trí, Bích-chi Phật tạo ra phương tiện của tha tâm trí, phần tử trí, khởi phần tử trí, tha tâm trí hiện ở trước. Muốn biết tâm khổ tử nhãn thứ ba, là biết tâm tập tử trí thứ tám. Đức Phật không tạo phương tiện nhưng tha tâm trí vẫn hiện ở trước.

Như hành giả khởi mỗi sát-na trong kiến đạo hiện ở trước, Đức Phật cũng khởi tha tâm trí, biết mỗi một tâm nối tiếp nhau đã từng trải của kiến đạo.

Hỏi: Có thể thí thức ăn cho người Kiên tín, Kiên pháp hay không?

Đáp: Không thể. Nếu thí cho y phục, giường, ghế thì có thể nhưng thức ăn thì không thể. Vì sao? Vì đây là đạo nhanh chóng. Nếu nhập vào đạo này, thì sẽ không khởi tâm trông mong, không thể lập ra nơi này, nơi khác. Cho nên, không thể thí cho họ thức ăn.

Hỏi: Nếu không thể thí cho họ thức ăn, thì kinh Ưu-già trưởng giả nói làm sao hiểu được? Như nói: Cư sĩ! Đây là Tu-đà-hoàn, đây là hướng Tu-đà-hoàn, cho đến nói rộng?

Đáp: Đây là trời nói với vị trời ấy.

Hoặc có thuyết nói: Là quyến thuộc của ma vương, vì muốn nhiều loạn tâm cư sĩ.

Lại có thuyết nói: vị Trời kia là naga quỷ vì muốn lừa dối cư sĩ, nên nói như thế.

Lại có thuyết nói: vị Trời này là thần thọ nhận sự cúng tế trong nhà cư sĩ, muốn cho tâm cư sĩ sinh vui mừng, cũng muốn thị hiện tình cảm gần gũi nhau, nên nói như thế.

Lại có thuyết nói: Vị trời này là thân thuộc ngày trước của cư sĩ, vì muốn bảo cho biết ruộng phước của họ chẳng phải ruộng phước, nên nói như thế.

Hỏi: Trời đối với cư sĩ, dù cho rất thân, nhưng chẳng phải cảnh giới của họ, thì do đâu mà biết?

Đáp: Hướng quả Tu-đà-hoàn có hai hạng:

1. Giả danh.
2. Chân thật.

Nếu là người chân thật thì chẳng phải cảnh giới của họ. Nếu là giả

danh thì là cảnh giới của họ.

Lại có thuyết nói: Có khả năng thí cho người kia thức ăn, mà người kia chưa ăn. Vì sao? Vì như hành giả nhập kiến đạo, nếu đệ tử hoặc ngồi gần vì thọ nhận thức ăn của người kia, hoặc Đản việt đem thức ăn để trên cổ của người kia, hoặc trên đây đứng y, như kinh khác nói: Bà-đà-lợi! Ý ông nghĩ sao? Nếu Tỳ-kheo là Kiên tín thì ta đã nói, ông đã đem thân làm cầu bắc qua vũng bùn nhơ, ta muốn đi trên cầu đó, là trái với lời ta nói chẳng?

Đáp: Không! Vì đây cũng nói về giả danh, về Tu-đà-hoàn hưởng chẳng phải chân thật. Vì sao? Vì người hưởng Tu-đà-hoàn chân thật không khởi tâm không tương tự để nghe Phật nói.

Lại có thuyết nói: Trong đây cũng nói về Tu-đà-hoàn hưởng chân thật.

Hỏi: Tu-đà-hoàn chân thật kia không khởi tâm không tương tự, có thể nghe Phật nói, sao lại nói là chân thật?

Đáp: Dù không nghe Phật nói, nhưng vì thâm tâm kính trọng Phật, dù cho kiến đạo có thể khởi, cũng phải thuận theo lời nói của Phật. Cho nên Phật nói rằng: Người có công đức như thế là thuận theo lời ta nói, huống chi ông là người không có công đức.

Như nói: Đức Thế tôn chuyển pháp luân, thần đất xưng rằng cho đến nói rộng.

Hỏi: Vì sao soạn luận này?

Đáp: Vì dứt nghi. Người cho là thần đất có trí nhận biết rõ hiện tiền, biết Phật chuyển pháp luân, chẳng phải trí tỷ tướng. Vì muốn nói thần đất không có trí nhận biết rõ hiện tiền chỉ có trí tỷ tướng để nhận biết Phật chuyển pháp luân, nên soạn luận này.

Hỏi: Chuyển pháp luân chẳng phải cảnh giới trí sinh đắc, làm sao thần đất biết được?

Đáp: Do năm việc nên biết được:

1. *Vì Đức Thế tôn khởi tâm thế tục nên biết.*

Hỏi: Vì sao Đức Thế tôn khởi tâm thế tục?

Đáp: Vì nhận thấy công hạnh của mình đã hành trì trong ba A-tăng-kỳ kiếp, đến nay đã có quả báo, sinh tâm vui mừng, nên khởi tâm thế tục.

Lại có thuyết nói: Vì Đức Thế tôn nhận thấy lời thệ nguyện rộng lớn của mình từ năm xưa, nay đã có kết quả.

Lại có thuyết nói: Vì Phật có ý muốn làm lợi ích cho người khác, khiến được đầy đủ. Do việc này, nên Đức Thế tôn muốn cho người khác

biết khởi tâm thế tục, cả đến súc sinh cũng biết, huống chi là thần đất. Đức Thế tôn hoặc khởi tâm thế tục, các vị đại Thanh văn như Tôn giả Xá-lợi-phất, v.v... nhập Đảnh đệ Tứ thiên, do năng lực của nguyện trí còn không thể biết. Hoặc khi khởi tâm thế tục, cho đến súc sinh cũng có thể biết

2. Đức Thế tôn cũng nói với người khác.

Hỏi: Vì sao Phật bảo người khác?

Đáp: Vì muốn hiện bày tính chất chân thật của lời nói trong thuyết pháp.

Lại có thuyết nói: Vì Phật muốn thể hiện công hạnh của mình trong ba A-tăng-kỳ kiếp đã có quả báo.

Lại có thuyết nói: Vì Phật muốn biểu dương Tôn giả Kiều-trần-như là ruộng phước tốt của thế gian.

Lại có thuyết nói: Vì Phật muốn cho người, trời sinh tâm kính tin.

Lại có thuyết nói: Vì Phật muốn thể hiện mình chẳng phải như vị thầy thế gian tiếc rẻ pháp, vì mình đã phá trừ sự keo kiệt pháp.

Lại có thuyết nói: Vì Phật muốn thể hiện thân mình là pháp của bậc đại nhân.

Lại có thuyết nói: Vì Phật muốn thể hiện thân mình là người thông minh, như nói: Có ba việc là tướng thông minh:

Việc Phật tư duy là thiện.

Lời Phật đã làm là thiện.

Điều Phật giảng nói là thiện.

Do việc này, nên Phật bảo với người khác.

3. Tôn giả Mục-kiền-liên cũng khởi tâm thế tục.

Hỏi: Vì sao Tôn giả Mục-kiền-liên khởi tâm thế tục?

Đáp: Tôn giả kia vì muốn cho sinh tử từ vô thủy đến nay đã có bờ mé, để dứt trừ, vô lượng khổ, chặt đứt nhân đường ác, sinh nhóm quyết định, được thấy chân đế.

Lại có thuyết nói: Vì Đức Phật thấy thế xưa đã lập, nguyện xưa đã phát, việc xưa đã làm đến nay đã có kết quả, nên khởi tâm thế tục.

4. Tôn giả Mục-kiền-liên cũng bảo với người khác.

Hỏi: Vì sao bảo người khác?

Đáp: Vì muốn nói lên trong việc khéo nói pháp những lời giảng nói đều là thành thật, chắc chắn.

Lại nữa, vì muốn biểu hiện công việc làm của Đức Thế tôn trong ba A-tăng-kỳ kiếp, đến nay đã có kết quả.

Lại nữa, vì muốn thể hiện pháp Phật có oai lực lớn, cũng muốn nói

lên sắc thân Phật là ruộng phước của thế gian.

Lại nữa, vì Phật muốn cho năm người kia sinh tâm vui mừng, kính mến.

Lại nữa, vì muốn hiện bày sáng tỏ công dung rộng lớn của Như lai.

Lại nữa, vì muốn thể hiện pháp Phật là pháp ra khỏi thân kiến, nên bảo với người khác.

5. Từ bên trời Đại Oai Đức được nghe.

Hỏi: Sao gọi là trời Đại Oai Đức?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Là trời Tịnh cư.

Lại có thuyết nói: Là các tầng trời cõi Dục, là người thấy chân đế.

Lại có thuyết nói: Là các tầng trời cõi Dục, từng thấy Phật quá khứ. Vì sao? Vì Chư Phật quá khứ lúc chuyển pháp luân đều có tướng như thế. Nay hiện ra tướng ấy nên biết Phật sắp chuyển pháp luân, liền bảo với người khác, được nghe Phật quá khứ kia nói.

Hỏi: Thế nào là nghĩa pháp luân?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Nghĩa của pháp tánh, thể của pháp là nghĩa của pháp luân.

Lại có thuyết nói: Nghĩa có thể hiện thấy pháp là nghĩa của pháp luân.

Lại có thuyết nói: Nghĩa pháp nhãn thanh tịnh là nghĩa của pháp luân.

Lại có thuyết nói: Nghĩa đối trị chẳng phải pháp luân là nghĩa của pháp luân. Vì sao? Vì như sáu vị giáo chủ ngoại đạo tự nói mình là thầy người, trời, cũng chuyển pháp luân, nhưng luân của họ là tám tà đạo. Cho nên, đối trị chẳng phải pháp luân, là nghĩa của pháp luân.

Hỏi: Những gì là nghĩa của luân?

Đáp: Nghĩa nhanh chóng là nghĩa của luân.

Lại có thuyết nói: Nghĩa bỏ đường này hướng đến chỗ kia là nghĩa của luân.

Lại có thuyết nói: Nghĩa phá trừ phiền não là nghĩa của luân.

Hỏi: Vì sao luân này gọi là Phạm pháp luân?

Đáp: Vì Phạm thế lúc đầu đã có đủ Thánh đạo, gọi là Phạm pháp luân, đệ Nhị, đệ Tam thiên không ở Sơ thiên, cũng không có Thánh đạo. Thiên thứ tư dù là thân Phật đầu tiên được mà không có Thánh đạo.

Lại nữa, người phạm hạnh, vì trong thân có thể được, nên gọi là Phạm pháp luân.

Lại nữa, vì đối trị chẳng phải phạm hạnh, nên gọi là Phạm pháp luân.

Lại nữa, vì phá trừ phiền não chẳng phải thanh tịnh nên gọi là Phạm pháp luân.

Lại nữa, Đẳng chánh giác của Như lai là pháp thanh tịnh, nên phân biệt, giải thích, lập bày, hiển hiện, gọi là Phạm pháp luân.

Lại nữa, vì dùng Phạm âm để nói nên gọi là Phạm pháp luân.

Lại nữa, nếu có đủ xứ của tám Thánh đạo thì gọi là Phạm pháp luân.

Lại nữa, nếu có nơi chốn có thể đạt được pháp đối trị phiền não do kiến đạo, tu đạo dứt trừ ở ba cõi thì gọi là Phạm pháp luân. Bất thiện, vô ký, có báo, không báo, có thể sinh hai quả, có thể sinh một quả, tương ứng với không hổ không thẹn, không tương ứng với không hổ không thẹn. Thế có nhóm, thế không nhóm, nhãn đối trị, trí đối trị, xứ có thể đạt được, gọi là Phạm pháp luân.

Lại nữa, nếu có chín đạo quả dứt biết thì gọi là Phạm pháp luân. Trong ba thiên còn lại có năm đạo quả dứt biết. Trong cõi Vô sắc có một đạo quả dứt biết. Trong cõi Sơ thiên đều có chín đạo quả dứt biết, nên gọi là Phạm pháp luân. Cũng như kinh nói bốn mươi pháp, hai mươi pháp là phần bất thiện, hai mươi pháp là phần thiện. Nếu phân biệt giải thích bốn mươi pháp thì gọi là Phạm pháp luân.

Bốn mươi pháp: như mười tà đạo tự xưng là thắng, có mười bàng, mười trực đạo, mười chánh kiến, v.v... mười trực cũng như thế.

Hỏi: Như pháp thiện thuận theo pháp luân, có thể là Phạm pháp luân. Pháp bất thiện không thuận theo pháp luân, sao nói là Phạm pháp luân?

Đáp: Không y theo thể thiện, bất thiện để nói là pháp luân mà là do trí duyên theo thiện, bất thiện, gọi là Phạm pháp luân. Vì sao? Vì pháp luân này là vắng lặng, không có lỗi lầm, không hại người khác, nên gọi là pháp luân.

Hỏi: Vì sao nói kiến đạo là pháp luân, tu đạo chẳng phải pháp luân?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Nghĩa nhanh chóng là nghĩa pháp luân. Kiến đạo là đạo nhanh chóng, vì đạo không khởi tâm trông mong.

Lại có thuyết nói: Bỏ chỗ này hướng đến chỗ kia là nghĩa của pháp luân. Kiến đạo bỏ khổ, hướng đến tập, bỏ tập hướng đến diệt, bỏ diệt hướng tới đạo.

Lại có thuyết nói: Vì bốn sự nên gọi là pháp luân:

1. Bỏ đây.
2. Đến kia.
3. Người chưa chọn lựa thì chọn lựa.
4. Người đã chọn lựa thì không bỏ.

Bỏ đây: Bỏ khổ trong kiến đạo. Hưởng đến chỗ kia là hưởng tới tập. Chưa lựa chọn thì lựa chọn: Là Tập. Đã lựa chọn thì không bỏ: Là khổ.

Lại có thuyết nói: Nghĩa trên, dưới là nghĩa pháp luân. Giống như vành bánh xe, có lúc ở trên, có lúc ở dưới. Kiến đạo cũng thế. Hoặc có khi nhãn trí duyên với khổ cõi Dục ở dưới. Đôi lúc trí nhãn duyên với Hữu Đảnh ở trên. Duyên với Hữu Đảnh rồi, lại duyên cõi Dục. Cho nên, nghĩa trên, dưới là nghĩa của pháp luân.

Lại có thuyết nói: Nghĩa hàng phục thiên hạ bốn phương là nghĩa của pháp luân. Như bánh xe báu hiện có của vua Chuyển luân có thể hàng phục thiên hạ khắp bốn phương. Hành giả cũng vậy, dùng luân của kiến đạo nơi bốn đế hàng phục thiên hạ bốn phương.

Lại có thuyết nói: Riêng như pháp của cãm xe, bầu giữa bánh xe, vành bánh xe. Cãm xe để giữ vành bánh xe. Bầu giữa bánh xe để giữ cãm xe. Khổ nhãn, khổ trí, tập nhãn, tập trí của kiến đạo như cãm xe. Diệt nhãn, diệt trí như bầu giữa bánh xe. Đạo nhãn, đạo trí như vành bánh xe. Vì sao? Vì nhãn trí này duyên theo tất cả đạo. Pháp trí duyên với phần pháp trí, tử trí duyên với phần tử trí.

Lại có thuyết nói: Kiết là chỗ dứt của kiến đạo, có thể sinh ra tám pháp luân tà chẳng phải pháp. Vì kiến đạo có công năng đối trị pháp này, nên gọi là pháp luân.

Tôn giả Cù-sa nói: Tám Thánh đạo cùng lúc vận chuyển trong thân này, nên gọi là pháp luân. Chánh kiến, chánh giác, chánh tinh tiến, chánh niệm như cãm xe. Chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng như bầu giữa bánh xe. Chánh định như vành bánh xe.

Vì tám pháp này đều tu trong kiến đạo, nên gọi là pháp luân.

Phật chuyển pháp luân đầu tiên tại nước Ba-la-nại.

Hỏi: Phật đã chuyển pháp luân dưới cây Bồ-đề, vì sao lại nói chuyển pháp luân đầu tiên ở nước Ba-la-nại?

Đáp: Chuyển pháp luân có hai thứ:

1. Ở thân mình.
2. Ở thân người.

Dưới cây Bồ-đề là chuyển pháp luân của thân mình. Ở nước Ba-la-nại là chuyển pháp luân của thân người. Vì chuyển pháp luân đầu

tiên nơi thân người ở nước Ba-la-nại, nên gọi là chuyển pháp luân đầu tiên.

Lại có thuyết nói: Chuyển pháp luân có hai thứ: Có chung, không chung. Như Thanh văn, Bích-chi Phật là pháp luân chung. Phật là pháp chuyển không chung. Vì chuyển pháp luân chung nên nói là chuyển pháp luân đầu tiên.

Lại có thuyết nói: Vì người đầu tiên chứng được vô ngã, nên nói là chuyển pháp luân đầu tiên.

Lại có thuyết nói: Nếu lúc ấy, người đạt được vượt hơn Bích-chi Phật thì nói là chuyển pháp luân đầu tiên. Vì sao? Vì Bích-chi Phật cũng ở nơi thân mình có thể chuyển pháp luân, không thể ở thân người chuyển pháp luân. Chỉ Phật mới có thể đối với thân người khác mà chuyển pháp luân.

Lại có thuyết nói: Nếu chỗ công hạnh đã tu trong ba A-tăng-kỳ kiếp đạt được kết quả đó, thì gọi là chuyển pháp luân đầu tiên. Vì sao? Vì nếu Đức Phật sắp nhập Niết-bàn ở chỗ Chư Phật trong quá khứ, thì sẽ được tùy ý. Sở dĩ thân tâm Phật không trễ nải, đã thực hành trăm ngàn khổ hạnh, chỉ vì muốn đem lại lợi ích cho người: Nếu khi ta chứng được trí vô thượng, sẽ làm cho vô lượng chúng sinh đều thoát khỏi ngục tù sinh tử, mà được giải thoát.

Với hạnh nguyện như thế, đã đầy đủ ở nước Ba-la-nại, nên gọi là chuyển pháp luân đầu tiên.

Lại có thuyết nói: Vì có khả năng hàng phục người, nên gọi là luân, giống như quốc vương hàng phục tất cả dân chúng trong các thành ấp, làng mạc, nên được gọi là vua. Không chỉ hàng phục những người trong cung điện nên được trực tiếp gọi là vua.

Cũng thế, có thể hàng phục thân người gọi là Pháp vương, không riêng thân mình nên gọi là Pháp vương.

Hỏi: Nếu Thánh đạo được tồn tại trong thân, tức thân mình gọi là người chuyển pháp luân, vì sao lại gọi là Phật chuyển pháp luân?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Vì giác ngộ nên nói Phật chuyển pháp luân. Vì sao? Vì tùy trong thân người kia đã có Thánh đạo. Nếu không ngữ quang của Phật soi sáng, thì Thánh đạo không sinh, Nếu do ngôn ngữ sự sáng suốt của Phật soi chiếu, thì Thánh đạo trong thân người kia không sinh. Phải do sự sáng suốt ngôn ngữ của Phật soi chiếu thì Thánh đạo nơi thân người kia mới sinh như trong ao nước, dù có hoa Ba-đầu-ma, Câu-vật-đầu, Phân-đà-lợi, nhưng nếu sự sáng suốt mặt trời không soi đến, thì chúng sẽ không nở, không tỏa mùi hương. Nếu được sự sáng

suốt của mặt trời soi rọi thì chúng sẽ nở ngát hương. Thánh đạo kia cũng giống như thế.

Lại có thuyết nói: Đã có Thánh đạo ngay trong thân người kia, nếu không do cánh tay ngôn thuyết của Như lai xoay thì Thánh đạo sẽ không sinh. Như vua Chuyển luân, nếu không dùng báu kim luân đặt trong tay trái và dùng tay phải chuyển vận kim luân nói rằng: Báu kim luân của ta sẽ có người được hàng phục. Bấy giờ, các thần không xoay bánh xe kia. Nếu đặt luân báu trong tay trái, dùng tay phải xoay, lúc đó, các thần sẽ chuyển vận kim luân. Nhưng sự chuyển vận luân là thần mà vua được tên. Thánh đạo cũng thế.

Lại có thuyết nói: Dù trong thân người kia có Thánh đạo, nhưng nếu không được duyên của Như lai làm sáng tỏ, thì Thánh đạo sẽ không sinh, giống như trong kho lẫm có các hạt giống, nhưng nếu không do duyên phát khởi thì mầm sẽ không mọc. Thánh đạo cũng giống như thế.

Lại có thuyết nói: Trong thân chúng sinh kia tuy có Thánh đạo, nhưng nếu Như lai không dùng danh, cú vị thân của phương tiện thiện xảo, dứt trừ chướng ngại nơi thân họ, thì Thánh đạo không sinh. Nếu trừ bỏ chướng ngại thì Thánh đạo sẽ sinh.

Lại có thuyết nói: Có hai nhân, hai duyên sinh ra chánh kiến:

1. Theo người khác nghe pháp.

2. Bên trong tự tư duy. Như theo người khác nghe pháp, gọi là Phật chuyển pháp luân. Như bên trong tự tư duy gọi là trong thân tự có Thánh đạo. Như vậy có thể đối với thân người, thành tựu bốn pháp, nghĩa là thường có chỗ tạo tác, như gần gũi thiện tri thức, theo người ấy nghe pháp, gọi là Phật chuyển pháp luân. Như bên trong tự tư duy, đứng pháp tu hành gọi là trong thân có Thánh đạo.

Hỏi: Như lúc trụ trong khổ pháp nhãn đã chuyển pháp luân, vì sao vào lúc đạt đạo tỷ trí nói là chuyển pháp luân?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Khi trụ trong khổ pháp nhãn, dù chuyển pháp luân, nhưng nghĩa chuyển chưa đủ, đến lúc đạt đạo tỷ trí thì nghĩa của chuyển mới đủ.

Lại có thuyết nói: Do lúc được đạo tỷ trí có năm sự thích ứng:

1. Được đạo không hề được.
2. Bỏ đạo đã từng được.
3. Vì dứt trừ phiền não đồng một vị.
4. Mau được tám trí.
5. Tu mười sáu hạnh.

Lúc này gọi là chuyển pháp luân. Này Kiều-trần-như! Ông có hiểu pháp không? Cho đến nói rộng.

Hỏi: Năm người này đều là người hiểu pháp, vì sao Phật chỉ hỏi một mình Kiều-trần-như?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Vì Kiều-trần-như thấy Thánh đế trước, bốn vị kia thấy sau. Khi Kiều-trần-như thấy rõ Thánh đế, các vị còn lại vừa ở chỗ đạt được phần căn thiện.

Lại có thuyết nói: Vì bốn nguyên, nên trước Phật bảo Kiều-trần-như: Ông có hiểu pháp không? Đáp: Con đã hiểu, cho đến nói rộng.

Hỏi: Vì sao Phật hỏi Kiều-trần-như đến ba lần?

Đáp: Hoặc có thuyết nói: Kiều-trần-như thấy rõ Thánh đế rồi, Đức Thế tôn khởi tri kiến, quán bờ mé trước sau, biết Kiều-trần-như lẽ ra còn ở nơi ấm, giới, nhập của xấu ác nhiều là ta trong khoảng sát-na giây lát trải qua trong ba a-tăng-kỳ kiếp là nhiều. Lúc quán như thế, Phật nhận thấy Kiều-trần-như đáng lý ra còn ở nơi ấm, giới, nhập xấu ác nhiều, chẳng phải như mình đã gieo trồng căn thiện trong từng sát-na suốt ba A-tăng-kỳ kiếp là nhiều. Thấy vậy rồi, Đức Phật nghĩ: Ta đã tu tập vô lượng khổ hạnh trong ba A-tăng-kỳ kiếp, nay đạt được trí vô thượng, chỉ có thể khiến cho Kiều-trần-như lẽ ra phải ở nơi ấm, giới, nhập của đường ác, được ở trong pháp bất sinh, không còn làm việc gì khác nữa, chỉ đến với ta là đủ. Cho nên Phật ba lần hỏi Kiều-trần-như.

Lại có thuyết nói: Kiều-trần-như có thể duyên liên hệ nơi thân của tất cả chúng sinh, tất cả chúng sinh cũng có thể duyên liên hệ nơi thân của Kiều-trần-như. Kiều-trần-như thấy đế xong, Phật suy nghĩ: Nay ta đã được Vô thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, không còn làm việc gì khác nữa, chỉ xoay vần chặt đứt duyên buộc của Kiều-trần-như và tất cả chúng sinh, đối với ta là đủ, cho nên ba lần hỏi. Về khía cạnh ăn nuốt nhau, đứt mạng lẫn nhau chỗ giải thích cũng giống như thế.

Lại có thuyết nói: Vì bị chê bai gần. Lúc Phật còn làm Bồ-tát, ra khỏi thành Ca-tỳ-la. Bấy giờ, dòng họ Thích sai năm người theo hầu Bồ-tát: Hai người là người thân bên phía mẹ, ba người là người thân bên phía cha. Hai người nói: Thọ dực là được tịnh. Ba người nói: Hành khổ hạnh là được tịnh. Trong khi tu khổ hạnh với Bồ-tát, người nói: Thọ nhận dực được tịnh, liền bỏ đi. Người nói: Khổ hạnh được tịnh, vẫn ở lại giúp đỡ hầu hạ Bồ-tát.

Bồ-tát bỏ chỗ tu khổ hạnh rồi, thoa dầu tô vào mình, dùng các thức ăn, Ngài nói: hành khổ hạnh được tịnh kia, tâm sinh não loạn, liền bỏ đi. Lúc ấy, sức khỏe của Bồ-tát càng tăng đi đến dưới cây Bồ-đề, hàng

phục chúng ma, chứng được Chánh đẳng Chánh giác Vô thượng.

Thành Chánh giác rồi, quán khắp thế gian, ai là người đáng được nghe pháp trước, ta sẽ vì họ giảng nói. Nhận thấy Uất-đà-ca-tử đáng được nghe pháp trước. Bấy giờ, có vị trời liền bạch Phật: Uất-đà-ca-tử vừa qua đời hôm qua. Khi đó, Như lai cũng theo tri kiến của mình biết ông ta vừa qua đời hôm qua.

Phật lại nghĩ: Ai là người kế đáng được nghe pháp, ta sẽ vì họ giảng nói. Thấy A-lan-ca-lan là người kế tiếp đáng được nghe pháp. Vị trời lại bạch: A-lan-ca-lan vừa mất cách đây bảy ngày. Phật cũng khởi tri kiến nhận biết A-lan-ca-lan đã mất được bảy ngày. Phật suy nghĩ: A-lan-ca-lan không được nghe pháp của ta là một mất mát lớn.

Hỏi: Phật đã thành đạo, lẽ ra phải vì người kia giảng nói pháp nhưng không vì họ giảng nói, sao không gọi là giáo hóa không đúng thời?

Tôn giả Cù-sa nói: Phật đầu tiên thành đạo, tâm yêu kính pháp, không lo nghĩ đến thức ăn khác, chưa quán chúng sinh, ai đáng được hóa độ.

Lại có thuyết nói: Như lai vô cùng thương xót, vì chưa kịp hóa độ người kia mà họ đã qua đời.

Lại có thuyết nói: Phật chưa phân chúng sinh thành ba nhóm.

Lại có thuyết nói: Người được Phật giáo hóa, phải là căn tánh thành thực. Căn tánh họ chưa thành thực mà lại qua đời. Lại các căn thành thực, phải do tự tâm. Người kia, với ý kiêu mạn, hành thiền tự xưng là Nhất thiết trí, tất nhiên phải trải qua thời gian lâu các căn mới thành thực.

Hỏi: Nếu căn tánh người này chưa thành thực, thì vì sao Phật lại nói: Người kia không nghe pháp của ta là mất mát lớn?

Đáp: Nếu người kia không qua đời, thì Phật có thể trừ bỏ tâm tự xưng là Nhất thiết trí của họ, cũng khiến cho sinh niềm tin Phật là bậc Nhất thiết trí. Tâm cũng có thể trước hết khiến cho các căn trước kia của Kiều-trần-như được thành thực và được hóa độ. Nếu một người kia, sau khi Phật đắc đạo, trong bốn mươi hai ngày còn thọ mạng thì có thể khiến người ấy được lợi ích lớn trong pháp Phật, nhưng vì hành mạng của họ đã hết, nên Đức Thế tôn đành thôi. Nếu có chúng sinh nào đáng được hóa độ, thì Như lai sẽ tự trụ nơi thọ mạng như đời Tu-bạt-đà-la, v.v... Nếu có thể trụ nơi thọ mạng của người khác thì không có việc đó.

Lại có thuyết nói: Lúc Phật là Bồ-tát, là đệ tử của người kia. Nếu

người ấy không qua đời, thì Phật sẽ chỉ rõ về pháp cho vị thầy ấy, cũng sẽ khiến người ấy biết pháp Phật đã chứng được, chẳng phải pháp họ đã truyền trao trước kia.

Vì việc này, nên Phật nói người kia bị mất mát lớn. Phật nghĩ: Ai là người kế đáng được nghe pháp?

Vị trời lại bạch: Năm vị như A-nhã Kiều-trần-như v.v... là người kế đáng được nghe pháp. Phật cũng khởi tri kiến, biết A-nhã Kiều-trần-như v.v... kế tiếp đáng được nghe pháp.

Phật lại nghĩ: Nay họ ở đâu?

Vị trời bạch: Họ đang ở nước Ba-la-nại.

Phật cũng khởi tri kiến, biết họ đang ở tại nước Ba-la-nại. Bấy giờ, Đức Thế tôn lần lượt đi đến nước Ba-la-nại tới chỗ năm vị kia. Lúc đó năm vị thấy Đức Thế tôn đến liền bảo nhau là không đứng dậy. (như trong Tu-đa-la có nói rộng).

Kiều-trần-như thấy chân đế rồi, Phật bảo: ông đã hiểu pháp chưa? Cho đến nói rộng. Nay ông xem ta có biếng trễ không? Có thực hành nhiều pháp chẳng? Đối với pháp lìa dục có lui sụt không? Ta đã đạt được pháp cam lộ chẳng?

Kiều-trần-như cảm thấy rất hổ thẹn đáp lời Phật: Nay con thấy Đức Thế tôn không có biếng trễ, không thực hành nhiều pháp, đối với pháp lìa dục cũng không lui sụt đã đạt được pháp cam lộ, con đều chứng biết.

Do việc này, nên Phật hỏi đến ba lần.

Lại nữa, vì muốn làm viên mãn thệ nguyện xưa: Nghe nói trong kiếp Hiền này có vị vua tên là Ác Hạnh, lại có vị tiên tên là Nhãn Nhục. Vào một dịp nọ, nhà vua không đem theo người nam, dẫn các kỹ nữ ra khỏi hoàng cung dạo chơi trong rừng, tâm ý ưa thích. Sau đó, vua mệt mỏi nên nằm ngủ. Lúc ấy, các kỹ nữ vào rừng hái hoa quả tìm kiếm khắp nơi.

Khi đó, vị tiên đang yên tĩnh tư duy thiền định nơi trụ xứ của mình. Các kỹ nữ từ xa thấy vị tiên, liền đến chỗ vị tiên, Đảnh lễ dưới chân sau đó ngồi qua một bên.

Vị tiên liền vì các kỹ nữ giảng nói về lỗi lầm tai hại của dục.

Vua Ác Hạnh khi thức giấc, nhìn khắp bốn phía, không thấy người hầu, liền nghĩ: Phải chăng ai đó đã dẫn các kỹ nữ của ta đi rồi chẳng? Nhà vua liền nổi giận, xách gươm tìm kiếm khắp rừng, bỗng thấy các kỹ nữ đang ngồi vây quanh bên vị tiên, tâm vua nghĩ: Nay con quý to tướng kia dám cả gan dẫn đám kỹ nữ ta đến đó... Trước hỏi rằng: Ông

là ai?

Vị tiên đáp: Ta là vị tiên.

Vua lại hỏi: Ông làm gì ở đây?

Vị tiên đáp: Ta hành đạo nhẫn nhục.

Nhà vua nghĩ: Người này thấy ta giận dữ, tự xưng là nhẫn nhục, nay ta hãy thử xem có thật vậy không? Vua lại hỏi: Ông đã chứng được Sơ thiền chưa?

Vị tiên đáp: chưa được.

Hỏi: Ông đã đạt được định Phi tưởng Phi phi tưởng chưa? Vị tiên đáp: chưa được.

Nhà vua nghe xong, càng thêm giận dữ, nói với vị tiên: Ông có thể đưa cánh tay của mình ra chẳng? Nhà vua liền dùng dao bén chặt đứt. Lại hỏi: Ông là người gì?

Vị tiên đáp: Là người nhẫn nhục.

Cũng thế, lại chặt đứt một cánh tay nữa. Rồi chặt đứt cả hai chân. Lại cắt tai, mũi, khiến thân người tiên bị đứt lia thành bảy phần. Lại hỏi: Ông là người gì?

Vị tiên đáp: Là người nhẫn nhục.

Vị tiên nói với nhà vua: Giờ đây vì sao lại sinh tâm nhàm chán? Nếu ông dùng dao chặt đứt thân ta thành từng vi trần thì ta vẫn nói là người thực hành nhẫn nhục, không bao giờ có khác!

Bấy giờ, vị tiên lại nói: Như hôm nay ông chặt đứt thân thể ta thành bảy phần, khi ta chứng được đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì trước hết ta sẽ dùng đại bi khuyên ông tu bảy thứ đạo để dứt trừ bảy sử của ông. Vua Ác Hạnh thời ấy nay là Kiều-trần-như. Vị tiên Nhẫn Nhục ấy nay chính là Đức Thế tôn.

Kiều-trần-như đã thấy chân đế rồi. Nhờ nơi oai lực của Phật, tự thấy thân mình vốn là vua Ác Hạnh từng chặt đứt thân vị tiên thành bảy phần, cũng nhớ lại thệ nguyện xưa của Phật. Lúc ấy, Đức Thế tôn bảo Kiều-trần-như: Ta đã trái với lời thề xưa, hay là vẫn vâng giữ nguyện xưa?

Kiều-trần-như liền từ chỗ ngồi đứng dậy, hết sức hổ thẹn, bạch Phật: Đức Thế tôn không hề trái với bốn thệ mà luôn vâng giữ lời nguyện xưa. Con quá ngu tối, thấp kém, đã gây nên tội như thế. Nay xin dốc tâm sám hối để cho bốn nguyện được viên mãn, cho nên Phật ba lần hỏi Kiều-trần-như.

